

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2025/HC-PT

Ngày: 11-4-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán:

Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Thị Châu Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 130/2024/TLHC-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC –ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2025/QĐPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Anh Lê Trường X, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, Tiền Giang. (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện G

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn S, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Hồng A, chức vụ Phó chủ tịch. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quốc K, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Huỳnh Quốc H, chức vụ Phó giám đốc. (có mặt)

2. Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn T, Phó Giám đốc phụ trách. (có mặt)

3. Bà Phạm Thị Bạch H1, sinh năm 1961; (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Người khởi kiện – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 19/4/2021, Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 123/TB-UBND của Ủy ban nhân dân huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy Đ, hạng mục: đường dây 110kV đấu nối. UBND huyện G cùng với công ty Đ1 đã khảo sát và dự kiến thu hồi đất của ông là 440m² (20 mét x 22 mét). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thi công, mỗi trụ điện đều có các nhánh điện dôi ra khỏi vị trí đã xác định thu hồi 440m², mỗi bên mà cột điện dôi ra ngoài là từ 6-10 mét. Phần không gian của cột điện xâm lấn ra phía ngoài phần đất của ông chiếm diện tích khá lớn. Cụ thể: các vị trí mà trụ điện lân ra hình tứ giác có các cạnh lần lượt là 23 mét, 26 mét, 31 mét và 30 mét. Tổng diện tích thực tế mà trụ điện thực hiện chiếm diện tích là 800m². Tuy nhiên, Đơn vị thi công và UBND huyện G chỉ tiến hành thu hồi phần đất có diện tích 440m², phần diện tích còn lại 360m² không thu hồi nhưng trụ điện vẫn dư dôi ra và đơn vị ngang nhiên sử dụng phần đất của ông một cách trái phép, không thu hồi, không bồi thường. Việc mắc nối trụ điện như vậy gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngày 08/9/2021, UBND huyện G ban hành quyết định số 2205/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy điện gió T, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110KV Gò Công - để thu hồi 440m² đất của ông. Hiện tại, phần đất nằm trong hệ thống lưới điện khoảng 360 mét vuông nhưng không được bồi thường.

Đến ngày 29/9/2022, UBND huyện G ban hành các Quyết định 2157/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột

điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công (sử dụng chung với dự án nhà máy Đ 2 theo Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/4/2021) để thay thế Quyết định 2433/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 và ban hành Quyết định 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ.

Ông C yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết:

+ Hủy quyết định hành chính số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư - Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

+ Hủy quyết định hành chính số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

Yêu cầu trả cho ông C1 số tiền bồi thường móng trụ là 176.128.000 đồng còn lại.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang trình bày:*

Ngày 20/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 3440/QĐ-UBND về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Đ. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 22/5/2021 của đơn vị đo đạc cung cấp thì hộ ông Nguyễn Văn C (chồng bà Phạm Thị Bạch H1), ngụ ấp T, xã P, huyện G có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã P, trong đó diện tích thu hồi đất để xây dựng móng trụ 440 m², diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện của các thửa đất là 2.435,7 m².

Ngày 10/6/2021, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã P tổ chức khảo sát, kê biên, kiểm đếm, phân đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng bởi móng trụ và hành lang tuyến của hộ ông Nguyễn Văn C với diện tích móng trụ và hành lang bảo vệ nêu trên và vợ ông Nguyễn Văn C là bà Phạm Thị Bạch H1 thống nhất ký tên xác nhận (Biên bản kê biên, kiểm đếm).

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ dự án Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua

địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G nối vào trạm biến áp 110kV Gò Công và căn cứ Công văn số 4494/UBND-KT ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thống nhất chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy điện gió T và nhà máy. Theo đó, đơn giá thực hiện bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cây hàng năm xây dựng móng trụ theo vị trí đã xác định là 1.111.200 đồng/m² và đối với đất cây lâu năm, cây hàng năm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ một lần bằng 30% mức bồi thường đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm của thửa đất đó.

Ngày 08/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 2433/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho ông Nguyễn Văn C1 với số tiền là 579.742.293 đồng và Quyết định số 2242/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ móng trụ để thu hồi đất với số tiền là 526.128.000 đồng. Hiện nay, ông Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền hỗ trợ hành lang nêu trên, riêng số tiền bồi thường móng trụ mới nhận 350.000.000 đồng, còn lại 176.128.000 đồng đã nhận vào ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Theo đơn ông C đề nghị bồi thường diện tích 360 m² ngoài móng trụ so với diện tích thu hồi đất 440 m², qua kiểm tra thực tế móng trụ được xây dựng trong phạm vi thu hồi đất 440 m² là đúng. Tuy nhiên phần diện tích bìa chéo còn lại giáp kênh là 93,86m² rất khó khăn trong sản xuất. Do đó để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án Nhà máy Đ đề xuất Công ty Cổ phần N và Ủy ban nhân huyện xem xét thu hồi bổ sung diện tích bìa chéo nêu trên (Công văn số 870/HĐBT ngày 18/11/2021 của Hội đồng bồi thường huyện).

Qua hồ sơ có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân theo đúng trình tự, thủ tục, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh căn cứ giải quyết theo qui định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu huỷ hai quyết định:

+ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

+ Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, người khởi kiện ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo đề nghị bác bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Trường X đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án xét xử huỷ quyết định hành chính số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G và Quyết định hành chính số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Yêu cầu bồi thường thêm cho ông Nguyễn Văn C 30% phần bồi thường hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không. Do trước đây Ủy ban thoả thuận là 60% nhưng chỉ bồi thường 30% do đó yêu cầu bồi thường tiếp 30%. Đối với phần bìa chéo ông C yêu cầu bồi thường hai bìa chéo nhưng Ủy ban chỉ bồi thường một bìa chéo với số tiền 86.426.016 đồng, do đó yêu cầu bồi thường thêm một bìa chéo.

Đối với số tiền 176.128.000 đồng Ủy ban huyện đang tạm giữ do ông C2 chấp giấy đất tại Ngân hàng, nay ông C đã giải ngân và lấy giấy chủ quyền về. Ông C đã nhận số tiền trên vào ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện G có đại diện theo ủy quyền bà Lưu Thị Hồng A không đồng ý huỷ quyết định của Ủy ban đồng thời ông C yêu cầu bồi thường thêm bìa chéo thứ hai Ủy ban không đồng ý.

Công ty Cổ phần N tại phiên tòa có mặt qua các yêu cầu khởi kiện của ông C Công ty điện gió chỉ chấp nhận hỗ trợ thêm cho ông C số tiền 20.000.000 đồng.

Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện G, tỉnh Tiền Giang đại diện theo pháp luật ông Mai Văn T, đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh S1 vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bạch H1, anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện G ông Đặng Thành H2 trình bày: Việc ông C khởi kiện yêu cầu huỷ hai quyết định là không có cơ sở vì ngày 08/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2433/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho ông Nguyễn Văn C với số tiền là 579.742.293 đồng và Quyết định số 2242/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ móng trụ để thu hồi đất với số tiền là 526.128.000 đồng. Hiện nay, ông Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền hỗ trợ hành lang nêu trên, riêng số tiền bồi thường móng trụ mới nhận 350.000.000 đồng, còn lại 176.128.000 đồng chưa nhận vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn đang thế chấp tại Ngân hàng, hiện nay ông C đã trả tiền Ngân hàng và Ủy ban đã có giấy mời ông C đến để chỉ trả số tiền trên nhưng ông C không đến. Ông C yêu cầu hỗ trợ thêm số tiền bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện G không thể chấp nhận được.

Đối với phần diện tích hai bìa chéo mà ông C yêu cầu hỗ trợ thêm có diện tích tổng cộng là 360m² nhưng qua đo đạc thẩm định thực tế theo yêu cầu của bà H1 và ông C thì diện tích chỉ có 312.7m² trong phần tổng diện tích của hai bìa chéo này thì phần diện tích bìa chéo giáp kênh là 93,86m² rất khó khăn trong sản xuất. Hội đồng bồi thường đã có hỗ trợ số tiền 86.426.016 đồng cho ông C nhưng ông không chấp nhận, còn phần bìa chéo thứ hai thì hội đồng bồi thường không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ

án, đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng, chấp hành việc triệu tập và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; bác đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[1.2] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người bị kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 08/9/2021 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 08/9/2021, đến ngày 29/9/2022 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 2157/QĐ-UBND thay thế quyết định 2433/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

- Cùng ngày 08/9/2021 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 08/9/2021, đến ngày 29/9/2022 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 1968/QĐ-UBND thay thế quyết định 2242/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G nối vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

Sau khi nhận được hai quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 và quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G, đến ngày 05/10/2023 ông C khởi kiện, theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính là thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện:

- Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

- Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G đầu nối vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

Tất cả là quyết định hành chính theo quy định tại Điều 3 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, Ông Nguyễn Văn C kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; Yêu cầu Tòa hủy Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022, quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu hủy Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 và Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Ngày 20/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 3440/QĐ-UBND về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Đ. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 22/5/2021 của đơn vị đo đạc cung cấp thì hộ ông Nguyễn Văn C (chồng bà Phạm Thị Bạch H1) ngụ ấp T, xã P, huyện G có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã P, trong đó diện tích thu hồi đất để xây dựng móng trụ 440 m² diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện của các thửa đất là 2.435,7 m².

Ngày 10/6/2021, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã P tổ chức khảo sát, kê biên, kiểm đếm, phần đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng bởi móng trụ và hành lang tuyến của hộ ông Nguyễn Văn C với diện

tích móng trụ và hành lang bảo vệ nêu trên và vợ ông Nguyễn Văn C là bà Phạm Thị Bạch H1 thống nhất ký tên xác nhận (Biên bản kê biên, kiểm đếm).

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ dự án Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công và căn cứ Công văn số 4494/UBND-KT ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thống nhất chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy Đ và nhà máy. Theo đó, đơn giá thực hiện bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cây hàng năm xây dựng móng trụ theo vị trí đã xác định là 1.111.200 đồng/m² và đối với đất cây lâu năm, cây hàng năm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ một lần bằng 30% mức bồi thường đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm của thửa đất đó.

Ngày 08/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 2433/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho ông Nguyễn Văn C với số tiền là 579.742.293 đồng và Quyết định số 2242/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ móng trụ để thu hồi đất với số tiền là 526.128.000 đồng. Qua các lần đối thoại đại diện theo uỷ quyền của ông C thừa nhận là ông C và những người trong hộ đã nhận được số tiền 929,742.293 đồng. Còn lại 176.128.000 đồng ông C đã nhận vào ngày 09 tháng 12 năm 2024.

[2.2] Nay ông C khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ hai quyết định này với lý do mức bồi thường số tiền trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không quá thấp và phần đất đặt trụ điện còn hai bìa chéo của khu đất nằm trong phần không gian của mà cột điện xâm lấn ra phía ngoài phần đất của ông chiếm diện tích khá lớn khoản 360m² (qua thẩm định đo đạc lại theo yêu cầu của ông C là 312.7m²).

[2.3] Tại phiên toà đại diện Công ty cổ phần N đồng ý hỗ trợ thêm cho ông C1 số tiền 20.000.000 đồng nhưng đại diện uỷ quyền ông C không chấp nhận.

[2.4] Xét việc khởi kiện của ông C cho rằng mức bồi thường quá thấp là không có cơ sở, vì khi ông nhận quyết định về mức bồi thường nêu cho rằng quá thấp ông C có quyền khiếu nại, nhưng ông không thực hiện việc khiếu nại, tổng số tiền trong hai quyết định này là 1.105.870.293 đồng, ông đã nhận 929.742.293 đồng còn lại 176.128.000 đồng ông C đã nhận vào ngày 09 tháng 12 năm 2024. Nên việc yêu cầu huỷ hai quyết định là không có cơ sở.

Riêng số tiền 86.426.016 đồng hỗ trợ một bìa chéo ông C không nhận với lý do phải hỗ trợ cho ông hai bìa chéo, ông mới đồng ý.

Đối với việc ông cho rằng khi thu hồi đất thì phần diện tích đất còn lại hai bìa chéo ông không thể canh tác được,

Qua xem xét hồ sơ và thẩm định thực tế đối chiếu với trích đo bản đồ địa chính hình thể kích thước khu đất của hộ ông Nguyễn Văn C đo đạc theo yêu cầu của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 07 tháng 4 năm 2023 mà ông C1 thống nhất theo sơ đồ này thì phần diện tích ông C yêu cầu đền bù thêm là hai bìa chéo. Cụ thể, bìa chéo thứ nhất có kích thước $93,86m^2$ bìa chéo này nằm giáp kênh, bìa chéo thứ hai có kích thước $101,44m^2$ tổng hai bìa chéo này là $312,7m^2$ nhưng qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ thì thể hiện hai phần bìa chéo mà ông C cho rằng do ảnh hưởng của trụ điện ông không thể canh tác được ông yêu cầu phải bồi thường, qua kiểm tra thực tế móng trụ được xây dựng trong phạm vi thu hồi đất là đúng tuy nhiên phần diện tích bìa chéo còn lại giáp kênh là $93,86m^2$ rất khó khăn trong sản xuất. Hội đồng bồi thường đã có hỗ trợ số tiền 86.426.016 đồng cho ông C nhưng ông không chấp nhận. Ông yêu cầu hỗ trợ thêm phần bìa chéo thứ hai có diện tích $101,44m^2$ ông cho rằng phần bìa chéo thứ hai ông không thể canh tác được lý do gần đường dây điện. Qua khảo sát thực tế yêu cầu của ông C chỉ có cơ sở một phần là phần bìa chéo thứ nhất có diện tích $93,86m^2$ nằm giáp kênh, đối chiếu với Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh T Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh T tại:

Điều 12. Xử lý một số trường hợp cụ thể về đất ở và đất nông nghiệp

1. Trường hợp người có đất thu hồi có văn bản đề nghị Nhà nước thu hồi và bồi thường phần diện tích đất sau khi thu hồi còn lại thì Nhà nước xem xét thu hồi và bồi thường như sau:

a) Đối với đất ở. Diện tích đất ở sau khi thu hồi còn lại nhỏ hơn hạn mức diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, không thể xây dựng nhà ở theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ X1.

b) Đối với đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp sau khi thu hồi còn lại nhỏ hơn hoặc bằng $100m^2$.

Đối chiếu điểm b, cho nên Hội đồng bồi thường hỗ trợ cho ông C P diện tích đất $93,86m^2$ với số tiền 86.426.016 đồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với bia bìa chéo thứ hai có diện tích 101,44m² không nằm trong hành lang đường điện, cũng không ảnh hưởng đến canh tác sản xuất đồng thời phần đất này giáp với phần đất còn lại của ông C ở số thửa 3270 tờ bản đồ số 4 phần đất còn lại của ông C, không phải nằm độc lập nên Hội đồng bồi thường không hỗ trợ là hoàn toàn hợp lý.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện - ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC –ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[2] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu huỷ hai quyết định:

2.1 Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây 110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

2.2 Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc bồi thường, hỗ trợ diện tích xây dựng móng trụ cho hộ dân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ, hạng mục: Hệ thống cột điện và đường dây

110kV đi qua địa bàn huyện G, huyện G, thị xã G nối vào trạm biến áp 110kV Gò Công.

[3] Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (1);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- ĐS; (6)
- Lưu VP (5), HS (2). 15b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn